

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC THCS

ĐỔI MỚI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN TIẾNG PHÁP Ở TRUNG HỌC CƠ SỞ

Nhóm tác giả : Đào Thế Lân (chủ biên), Nguyễn Hữu Hải, Vi Văn Đỉnh

2010

2.1. Mục tiêu giáo dục môn tiếng Nga cấp THCS

Dạy học môn tiếng Nga ở trường THCS nhằm giúp học sinh:

a. Có kiến thức cơ bản, tối thiểu, tương đối hệ thống về tiếng Nga; có hiểu biết khái quát về đất nước, con người và nền văn hoá của nước Nga.

b. Có kĩ năng cơ bản ban đầu sử dụng tiếng Nga như một công cụ giao tiếp dưới các dạng nghe, nói, đọc, viết.

c. Có tình cảm và thái độ tốt đẹp đối với đất nước, con người, nền văn hóa và ngôn ngữ của nước Nga.

Sau khi học xong chương trình, học sinh cần phải đạt được những yêu cầu chủ yếu sau đây:

Về kĩ năng hoạt động lời nói

a. Nghe :

– Hiểu các từ và câu (riêng rẽ) quen thuộc.

– Hiểu nội dung chính những lời nói (đối thoại và độc thoại) về những vấn đề phổ thông hợp trình độ và lứa tuổi.

b. Nói :

– Phát âm rõ các âm, âm tiết, từ, câu với các cấu trúc ngữ điệu cơ bản.

– Đối thoại được về các chủ điểm quen thuộc trong đời sống hàng ngày và tiếp xúc xã hội thông thường của học sinh THCS.

– Kể được nội dung chính những điều mình nghe, thấy và biết được hợp với trình độ nhận thức.

c. Đọc :

– Đọc thành tiếng tương đối đúng về ngữ âm và ngữ điệu, hiểu nội dung chính những điều mình đọc hợp trình độ.

– Đọc thâm hiểu khái quát những tài liệu phổ thông (khoảng 120 –150 từ) với những chủ điểm và ngữ liệu quen thuộc hợp trình độ và lứa tuổi.

d. Viết :

– Viết đúng kĩ thuật các chữ cái thường và hoa, các từ; biết dùng các dấu chấm câu.

– Biết ghi (do tự nghĩ ra) và chép (từ sách báo, tài liệu) những nội dung đơn giản hợp trình độ.

– Biết viết thư thăm hỏi sinh hoạt và trao đổi thông thường trong khuôn khổ những chủ điểm đã học về những vấn đề của học sinh THCS.

Về kiến thức ngôn ngữ

Từ pháp

– Các từ loại và ý nghĩa.

+ Danh từ: Các phạm trù động vật – bất động vật, giống, số, cách. Hình thái biến đổi. Một số danh từ có hình thái biến đổi đặc biệt.

+ Tính từ: Các hình thái biến đổi theo giống, số, cách và mối quan hệ với danh từ. Cách dùng tính từ.

+ Đại từ : Các loại : chỉ ngôi, sở hữu, chỉ định... Các hình thái ngôi, giống, số, cách.

+ Số từ: Số từ số lượng và qui tắc kết hợp với danh từ, tính từ. Số từ thứ tự và các hình thái biến đổi.

+ Động từ: Các phạm trù: thức, thể, thời, ngôi, giống, số. Động từ có –□я. Động từ chuyển động không tiền tố và có tiền tố.

+ Trạng từ: Các loại thường dùng. Dạng so sánh.

+ Các giới từ thường dùng ở các cách và các ý nghĩa khác nhau.

+ Một số liên từ thường dùng.

Cú pháp

Các cấu trúc câu đơn và câu phức biểu đạt các hành động lời nói cơ bản trong chương trình.

2.2. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn tiếng Nga ở trường THCS

Trong Trường THCS hiện nay vẫn đang áp dụng các loại bài kiểm tra: miệng, bài viết 15 phút, bài viết 45 phút và bài kiểm tra học kỳ. Trong những năm gần đây việc kiểm tra, đánh giá đã có nhiều cải tiến về hình thức, cũng như nội dung kiểm tra. Các loại hình bài tập trong các đề kiểm tra đã đa dạng, phong phú hơn trước đây. Những cải tiến trong kiểm tra, đánh giá này đã góp phần nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường. Tuy nhiên, trong thực tiễn dạy học việc kiểm tra, đánh giá hiện nay vẫn còn bộc lộ một số hạn chế sau:

– Việc kiểm tra, đánh giá chưa thực sự bám sát mục tiêu của môn học là hình thành và rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài. Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện với mục đích chính là lấy cho đủ số điểm theo qui định của kế hoạch dạy học nên tác dụng đích thực của kiểm tra, đánh giá thực chất chưa phát huy được đầy đủ.

– Nội dung kiểm tra vẫn thiên về kiến thức ngôn ngữ, ít chú ý đến nội dung giao tiếp. Do vậy, khi có những câu hỏi kiểm tra yêu cầu vận dụng những kiến thức, kỹ năng để giải quyết những tình huống giao tiếp cụ thể thì học sinh tỏ ra lúng túng, không thực hiện được.

– Cấu trúc của đề kiểm tra, các câu hỏi trong đề kiểm tra còn chưa hợp lý. Nội dung của nhiều đề kiểm tra chưa bảo đảm được về số lượng (sau một phần, một cụm bài học, nhiều cụm bài học, . . .), vừa chưa bảo đảm về chất lượng (chủ yếu kiểm tra việc học thuộc lý thuyết, chưa chú ý đúng mức đến kỹ năng giao tiếp, khả năng vận dụng, . . .)

– Các bài tập trong đề kiểm tra còn thiếu sự kết hợp hài hòa, hợp lý giữa hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan.

2.3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn tiếng Nga ở trường THCS

a. Mục đích của kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra, đánh giá là khâu quan trọng không thể thiếu được trong hoạt động dạy học tiếng nước ngoài vì trước hết nó bảo đảm mối thông tin phản hồi, giúp thầy và trò nắm được tương đối chính xác mức độ nắm vững từng đơn vị kiến thức, mức độ hình thành

từng kỹ năng trong từng khâu, từng giai đoạn, để trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời, bảo đảm cho hoạt động dạy học đi đúng hướng, đạt được mục tiêu đã đề ra.

Với mục đích này, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần phải được đổi mới một cách đồng bộ từ nội dung đến các loại hình và hình thức kiểm tra. Cần phải kiểm tra, đánh giá toàn diện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết phù hợp với mục tiêu dạy học theo quan điểm giao tiếp. Cần phải làm cho kiểm tra, đánh giá trở thành công cụ kích thích tính tích cực, sáng tạo của học sinh trong hoạt động học tập.

b. Một số yêu cầu chủ yếu đối với kiểm tra, đánh giá

Để việc kiểm tra có thể phát huy vai trò tích cực trong dạy học ngoại ngữ, khi tiến hành kiểm tra, phải tuân thủ một số yêu cầu chủ yếu sau đây:

- Kiểm tra thường xuyên và toàn diện (các kỹ năng) của từng học sinh và theo dõi mức độ tiến bộ trong suốt năm học.
- Kết quả kiểm tra phải bảo đảm tính khách quan, tránh thiên vị, sai sót.
- Căn cứ vào đối tượng học sinh cụ thể, những khó khăn mà học sinh thường gặp để chọn nội dung kiểm tra hợp lý.
- Bảo đảm tính giáo dục của kiểm tra, đánh giá. Sử dụng kiểm tra, đánh giá như một công cụ kích thích học sinh học tập.

c. Nội dung kiểm tra

Nội dung kiểm tra liên quan chặt chẽ với nội dung dạy học. Nguyên tắc cơ bản phải triệt để tuân theo là học cái gì thì kiểm tra cái ấy, do đó việc kiểm tra, đánh giá, căn cứ theo yêu cầu cụ thể của từng bài, từng giai đoạn dạy học cụ thể.

Mục tiêu cơ bản của việc dạy học ngoại ngữ theo phương hướng giao tiếp ở trường phổ thông hiện nay là hình thành và phát triển năng lực giao tiếp dưới các dạng nghe, nói, đọc, viết chứ không phải trang bị hệ thống kiến thức ngôn ngữ. Nội dung thực hành giao tiếp đó được thể hiện cụ thể, đầy đủ trong sách giáo khoa và được hiện thực hoá trong quá trình dạy học. Chính vì vậy nội dung kiểm tra phải nhằm đúng các nội dung thực hành giao tiếp cơ bản được quy định trong chương trình thông qua hai khâu cơ bản là:

- Kiểm tra việc nắm ngữ liệu.

– Kiểm tra kỹ năng giao tiếp dưới các dạng nghe, nói, đọc, viết. Việc kiểm tra nắm ngữ liệu được tiến hành trên cơ sở kiểm tra kỹ năng giao tiếp. Kỹ năng vận dụng ngôn ngữ để hoàn thành nhiệm vụ giao tiếp được coi là nhiệm vụ trọng tâm. Độ chính xác về mặt ngôn ngữ cần quan tâm ở mức đảm bảo nội dung giao tiếp.

Sau mỗi lần kiểm tra giáo viên cần chỉ rõ điểm mạnh, yếu của từng học sinh, của từng nhóm cũng như của cả lớp và có những điều chỉnh phù hợp về phương pháp, thủ pháp giảng dạy để giúp học sinh đạt kết quả cao hơn.

Cần lưu ý rằng việc kiểm tra không đúng mục tiêu cơ bản sẽ làm cho người học định hướng sai và sẽ dẫn đến việc dần dần xa rời mục đích dạy học cơ bản.

d. Các loại hình kiểm tra và nội dung kiểm tra chủ yếu

Loại hình	Nội dung kiểm tra (gợi ý bài tập)
Nói	Hội thoại với bạn, với giáo viên theo nội dung bài học, theo chủ điểm. Nói (đọc thoại) theo nội dung bài học, theo chủ điểm.
b. Nghe	Nghe trả lời câu hỏi. Nghe điền thông tin vào bảng. Nghe sắp xếp trật tự các câu cho sẵn. Nghe chọn tranh. Nghe điền từ còn thiếu vào ô trống trong câu. Nghe tìm câu đúng/sai. Nghe ghi ý chính.
Đọc	Đọc trả lời câu hỏi. Sắp xếp các câu thành đoạn hội thoại. Sắp xếp thứ tự các thông tin. Hoàn chỉnh đoạn hội thoại. Lắp ghép các câu nói phù hợp thành các đối thoại. Tìm câu đúng/sai. Hoàn chỉnh đoạn văn bằng cách chọn từ thích hợp cho sẵn điền vào các ô trống.

Viết	Viết đoạn đối thoại đơn giản theo gợi ý. Viết đoạn văn ngắn, đơn giản theo gợi ý. Hoàn thành biểu bảng, phiếu. Viết thư ngắn, đơn giản.
Ngôn ngữ	Hoàn chỉnh câu bằng cách điền từ thích hợp, có dạng cần thiết vào chỗ trống. Sửa đổi câu sai, câu còn thiếu, ... Chuyển đổi câu. Lắp ghép câu. Trả lời câu hỏi. Chọn câu đúng/sai.

e. Các hình thức kiểm tra

*** Kiểm tra miệng**

Kiểm tra miệng chủ yếu được sử dụng trước khi, trong khi và sau khi học bài mới hoặc trong các kỳ kiểm tra cuối học kỳ, cuối năm (đối với những trường có điều kiện).

Kiểm tra miệng giúp giáo viên thu được những tín hiệu ngược nhanh chóng và có tác dụng thúc đẩy người học tích cực học thường xuyên. Đối với hình thức kiểm tra này nội dung kiểm tra chủ yếu là yêu cầu học sinh vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã được trang bị và rèn luyện để giải quyết một số tình huống giao tiếp cụ thể.

*** Kiểm tra viết 15 phút**

Loại bài kiểm tra này nhằm chủ yếu vào việc cung cấp các thông tin, xác nhận mức độ nắm kiến thức và kỹ năng của học sinh, giúp điều chỉnh việc dạy và học của giáo viên và học sinh. Nội dung kiểm tra viết 15 phút nên là những bài tập tự luận trong phạm vi kiến thức, kỹ năng của một bài học.

*** Kiểm tra viết 45 phút**

Bài kiểm tra viết 45 phút có tác dụng kiểm tra trình độ nắm vững kiến thức, mức độ thành thạo các kỹ năng giao tiếp cơ bản của học sinh sau khi học xong một cụm bài học (5 bài). Nội dung kiểm tra loại này bao gồm các bài tập tự luận và trắc nghiệm khách quan.

*** Kiểm tra viết cuối học kỳ, cuối năm**

Bài kiểm tra loại này có tác dụng kiểm tra trình độ nắm vững kiến thức, khả năng tư duy, mức độ thuần thục các kỹ năng giao tiếp cơ bản, độ vững chắc của thói quen học tập khoa học của học sinh sau khi học xong một số cụm bài học, một học kỳ, cả năm học. Cấu trúc nội dung bài kiểm tra loại này bao gồm các bài tập tổng hợp về kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp dưới dạng tự luận và trắc nghiệm khách quan.

g. Kỹ thuật xây dựng bộ công cụ đánh giá

Bộ công cụ đánh giá được sử dụng phổ biến nhất trong dạy học ngoại ngữ là bộ đề kiểm tra. Do vậy, đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được thực hiện trước hết ở việc đổi mới ra đề kiểm tra. Sự đổi mới này thể hiện ở quy trình biên soạn đề kiểm tra gồm các bước:

Bước 1. Xác định mục đích, yêu cầu của đề kiểm tra

Đề kiểm tra là phương tiện đánh giá kết quả học tập sau khi học xong một chủ đề, một chương, một học kì hay toàn bộ chương trình một lớp, một cấp học.

Bước 2. Xác định mục tiêu cần đánh giá

Để xây dựng được đề kiểm tra tốt, cần liệt kê chi tiết các mục tiêu giảng dạy, thể hiện ở các hành vi hay năng lực cần phát triển ở học sinh như là kết quả của việc dạy học (kiến thức, kĩ năng, thái độ).

Bước 3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra

Lập một bảng có 2 chiều, một chiều thường là nội dung hay mạch kiến thức cần đánh giá, một chiều là các mức độ nhận thức của học sinh. Lĩnh vực nhận thức của học sinh thường được đánh giá theo các mức độ của thang B. S. Bloom.

Trong mỗi ô là số lượng câu hỏi và hình thức câu hỏi. Quyết định số lượng câu hỏi cho từng mục tiêu phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mục tiêu đó và thời gian làm bài kiểm tra.

Công đoạn trên có thể được tiến hành thông qua những bước cơ bản sau:

- Xác định trọng số điểm cho từng mạch kiến thức.
- Xác định trọng số điểm cho từng hình thức câu hỏi.
- Xác định trọng số điểm cho từng trình độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng).

– Xác định số lượng câu hỏi cho từng ô trong ma trận (căn cứ vào trọng số điểm đã xác định ở trên mà định số lượng câu hỏi tương ứng).

Ví dụ: **Ma trận thiết kế để kiểm tra học kì lớp 9**

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng số
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Từ vựng	4 2						4 2
Ngữ pháp				4 2			4 2
Đọc hiểu			6 1,5	5 2,5			11 4
Viết						4 2	4 2
Tổng số	4 2		15 6		4 2		23 10

* Chữ số ở trên, góc trái mỗi ô là số câu hỏi.

* Chữ số ở dưới, góc phải là trọng số điểm của các câu hỏi trong mỗi ô đó.

Bước 4. Thiết kế câu hỏi theo ma trận

Mức độ khó của các câu hỏi được thiết kế theo hệ thống mục tiêu dạy học đã xác định ở bước 2; hình thức các câu hỏi (tự luận hay trắc nghiệm khách quan) dựa vào ma trận đã xác định ở bước 3.

Bước 5. Xây dựng đáp án và biểu điểm

Theo qui chế của Bộ GD & ĐT, thang đánh giá gồm 11 bậc: 0, 1, 2, . . . 10 điểm.